

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY
ĐIỀU HÀNH PHÒNG,
CHỐNG DỊCH COVID-19
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 05 tháng 01 năm 2022

Số: 35 /BC-TTCH

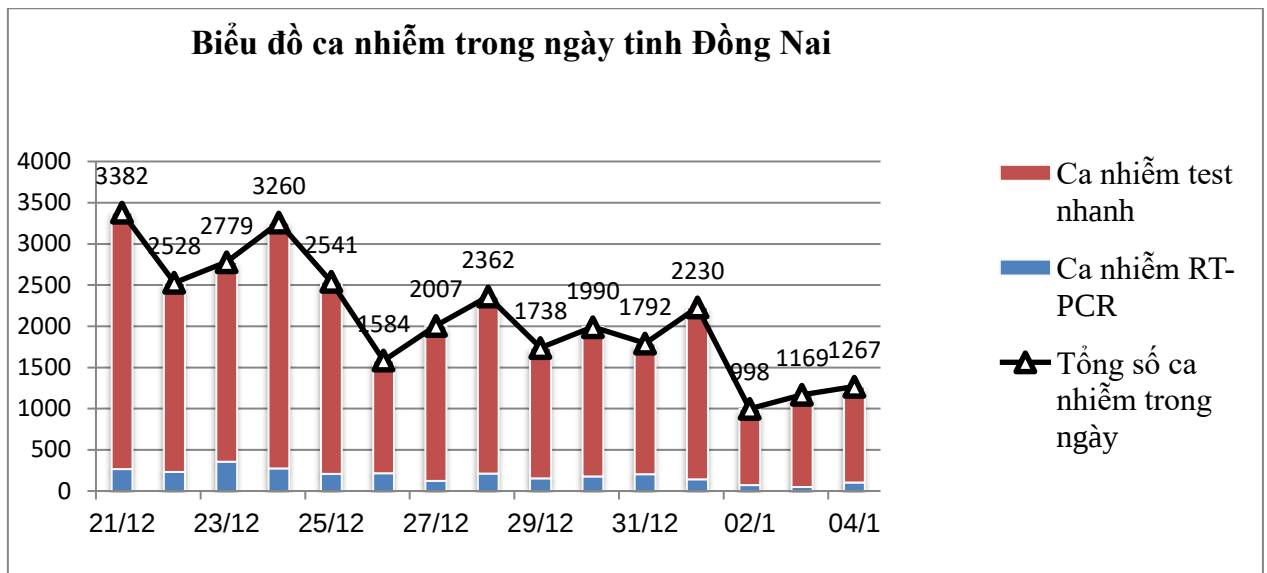
BÁO CÁO NGÀY

Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 04/01/2022

I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)

TT	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày						Lũy kế ca bệnh	
		Realtime RT-PCR	Test nhanh kháng nguyên (+)	Cộng đồng	Khu cách ly tập trung	Khu phong tỏa	Tổng cộng	RT-PCR	Test nhanh
1	Biên Hòa	72	241	290	23	0	313	44.889	64.796
2	Nhon Trạch	7	19	21	5	0	26	18.962	32.646
3	Vĩnh Cửu	8	70	78	0	0	78	13.447	16.462
4	Trảng Bom	3	99	102	0	0	102	9.288	17.355
5	Long Thành	0	130	130	0	0	130	3.759	15.300
6	Thống Nhất	7	80	83	0	4	87	1.951	9.835
7	Long Khánh	6	140	146	0	0	146	1.379	8.022
8	Xuân Lộc	0	80	80	0	0	80	1.346	5.415
9	Định Quán	0	86	86	0	0	86	1.086	6.931
10	Tân Phú	0	130	130	0	0	130	1.016	5.450
11	Cẩm Mỹ	0	89	89	0	0	89	767	5.050
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	403	0
Tổng số		103	1.164	1.235	28	4	1.267	98.293	187.262

* Thực hiện Công văn số 13832/UBND-KGVX ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn tạm thời quy trình xử lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh, ghi nhận ca nhiễm phát hiện bằng phương pháp xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 dương tính 02 lần.



Nhận xét:

- Trong ngày ghi nhận 1.267 ca mắc mới trong ngày (tăng 8,4%), trong đó có 103 ca phát hiện qua xét nghiệm khẳng định Realtime RT-PCR (tăng 110,2%), 1.164 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (tăng 3,9%).

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 285.555 ca nhiễm (bằng phương pháp Realtime RT-PCR và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2)

II. Công tác y tế

1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	17	220	41.509	41.729
Cách ly tại nhà	1.105	45.431	222.602	268.033
Theo dõi sức khỏe	285	9.037	38.941	47.978

- Thực hiện Công văn số 12542/UBND-KGVX ngày 13/10/2021 về việc triển khai cách ly F1 tại nhà trên địa bàn tỉnh; Công văn số 13650/UBND-KGVX ngày 04/11/2021 về việc triển khai quản lý người nhiễm COVID-19 (F0) tại nhà trên địa bàn tỉnh

- Hiện có 04 huyện, thành phố duy trì hoạt động các khu cách ly tập trung do huyện quản lý bao gồm: Biên Hòa, Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch; với 18 khu cách ly, tổng số 3.165 giường phục vụ người không đủ điều kiện thực hiện cách ly tại nhà.

2. Điều trị

2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
Số lượng	1.267	28.243	2.592	255.786	30	1.526	64
Tỉ lệ		9,89%		89,58%		0,53%	0,23%

- Số ca F0 đang điều trị tại cơ sở y tế: 791 ca
- Số ca F0 đang theo dõi tại nhà: 27.452 ca
- Số ca tử vong/100.000 dân: 48 ca
- Tỉ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm (bao gồm ca bệnh phát hiện bằng phương pháp Realtime RT-PC và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2): **0,53%**

2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
Tầng 3	328	191	137
Tầng 2	5.756	421	5.335
Tầng 1	5.544	179	5.365

- Triển khai việc từng bước giải thể các Bệnh viện dã chiến: Các Bệnh viện dã chiến số 2,3,4,5,6,7,8 đã tạm ngừng tiếp nhận bệnh.
- Số ca bệnh nặng, nguy kịch tăng, ngành y tế đang triển khai mở rộng quy mô các giường hồi sức tích cực tại các cơ sở y tế có giường bệnh tuyến huyện trên toàn tỉnh.

2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Khỏi bệnh	Lũy kế
1	Biên Hòa	389	14.507	106.331	120.838
2	Long Khánh	140	1.773	6.515	8.288
3	Vĩnh Cửu	70	1.338	17.422	18.760
4	Định Quán	-	1.494	4.232	5.726
5	Tân Phú	130	1.283	4.501	5.784
6	Trảng Bom	99	775	6.106	6.881
7	Thống Nhất	80	1.631	8.586	10.217
8	Xuân Lộc	80	1.017	3.959	4.976
9	Cẩm Mỹ	87	765	4.328	5.093
10	Long Thành	143	2.285	18.162	20.447
11	Nhơn Trạch	19	584	32.062	32.646
	Tổng	1.237	27.452	212.204	239.656

3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 03/01/2022)

- Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 29 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 5.805.568 liều.
- Tỉnh đã thực hiện tiêm 5.706.224 liều vắc xin, trong đó có 2.813.576 liều mũi 1; 2.687.421 liều mũi 2; 170.112 liều bổ sung và 35.977 liều nhắc lại;
- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên:
 - + Mũi 1: 101,13% ; Mũi 2: 96,60%; Mũi 3: 6,11%
- Các địa phương đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 trên 90%: Biên Hòa, Long Khánh, Long Thành, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú. Các huyện, thành phố còn lại gồm Nhơn Trạch, Thống Nhất, Trảng Bom đều đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 từ 80% trở lên.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 97,86%.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 98,11%.
- Tỷ lệ bao phủ vắc xin cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi
 - + Mũi 1: 94,97%; Mũi 2: 82,57%

4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
Test nhanh	1.521	329	2.088.695	263.742
RT-PCR mẫu đơn	967	347	2.068.157	261.949
RT-PCR mẫu gộp	200	53	361.635	31.556
Lượt người thực hiện PCR	1.755	347	3.841.962	261.949

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 00
- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 53 mẫu.

5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Triển khai Kế hoạch số 13691/KH-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Thiết lập Trạm Y tế lưu động trong bối cảnh dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Trong đó:
 - + 209 TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (64), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (14), Thống Nhất (10), Tân Phú (18), Long Khánh (15), Xuân Lộc (15), Vĩnh Cửu (12), Định Quán (14).

- + 25 TYT lưu động tại khu công nghiệp: Biên Hòa (04), Nhơn Trạch (08), Long Khánh (01), Xuân Lộc (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01), Định Quán (01), Long Thành (03), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (04).
- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 1.267 ca mắc mới trong ngày (tăng 8,4%), trong đó có 103 ca phát hiện qua xét nghiệm khẳng định Realtime RT-PCR (tăng 110,2%), 1.164 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2 (tăng 3,9%).
- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 285.555 ca nhiễm (bằng phương pháp Realtime RT-PCR và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2)
- Tỷ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm (bao gồm ca bệnh phát hiện bằng phương pháp Realtime RT-PCR và xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2): **0,53%**
- Tỉnh Đồng Nai đã triển khai 29 đợt tiêm vắc xin phòng COVID-19 trên địa bàn tỉnh với tổng số vắc xin được phân bổ của Bộ Y tế là 5.805.568 liều.
- Tỉnh đã thực hiện tiêm 5.706.224 liều vắc xin, trong đó có 2.813.576 liều mũi 1; 2.687.421 liều mũi 2; 170.112 liều bổ sung và 35.977 liều nhắc lại;
- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên:
 - + Mũi 1: 101,13% ; Mũi 2: 96,60%; Mũi 3: 6,11%
- Các địa phương đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 trên 90%: Biên Hòa, Long Khánh, Long Thành, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, Định Quán, Tân Phú. Các huyện, thành phố còn lại gồm Nhơn Trạch, Thống Nhất, Trảng Bom đều đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin mũi 2 từ 80% trở lên.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 97,86%.
- Tỷ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 98,11%.
- Tỷ lệ bao phủ vắc xin cho trẻ từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi
 - + Mũi 1: 94,97%; Mũi 2: 82,57%
- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 31/12/2021: tỉnh Đồng Nai ở mức nguy cơ cấp độ 2, tất cả 11/11 huyện/thành phố đều có mức độ nguy cơ ở cấp độ 2.

b) Kiến nghị

- Các địa phương định kỳ đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế.
- Các sở, ngành, địa phương phối hợp thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành nghiêm thông điệp 5K tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng,... để phòng, chống dịch bệnh
- Các địa phương thực hiện thống nhất, đồng bộ công văn số 13832/UBND-KGVX ngày 10/11/2021 về việc hướng dẫn tạm thời quy trình xử lý người

nhiễm Covid-19 (F0) tại cộng đồng trên địa bàn tỉnh và số 13650/UBND-KGVX ngày 04/11/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai quản lý người nhiễm Covid-19 (F0) tại nhà trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 23/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Các sở, ngành, địa phương tăng cường triển khai thực hiện Kế hoạch số 11805/KH-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2021 về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy nhanh tiến độ tiêm chủng nhằm sớm nhất đạt mục tiêu 100% người dân toàn tỉnh được tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19.

- Tăng cường kiểm soát nguồn lây nhiễm tại các điểm nguy cơ cao như: chợ dân sinh, siêu thị, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp, khu nhà trọ.

III. Công tác an sinh xã hội (Cập nhật ngày 03/01/2022)

Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg:

	Trong ngày	Lũy kế
Đã phê duyệt		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.716 đơn vị
2. Người lao động	0 người	1.409.469 người
3. Hộ kinh doanh	0 hộ	19.888 hộ
Đã chi trả		
1. Đơn vị sử dụng lao động	0 đơn vị	9.716 đơn vị
2. Người lao động	0 người	1.382.009 người
3. Hộ kinh doanh	0 hộ	19.009 hộ

TT	Địa phương	Lũy kế số người đã chi/số phê duyệt (người)	Lũy kế số tiền đã chi/số phê duyệt (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	TP. Biên Hòa	500.334/514.311	893,71/942,99	97,28
2	Cẩm Mỹ	27.726/27.735	41,76/41,79	99,97
3	Định Quán	59.178/59.178	99,73/99,73	100
4	TP. Long Khánh	58.545/58.545	94,42/94,42	100

5	Long Thành	82.777/82.777	134,06/134,06	100
6	Nhơn Trạch	144.456/147.968	249,42/255,02	97,63
7	Tân Phú	53.654/54.058	88,08/88,68	99,25
8	Trảng Bom	190.812/193.486	319,79/325,73	98,62
9	Thống Nhất	43.828/43.828	65,92/65,92	100
10	Xuân Lộc	91.346/94.291	133,14/140,80	96,88
11	Vĩnh Cửu	87.619/87.623	247,32/247,32	100
	Tổng cộng	1.340.275/1.363.796	2.367,35/2.436,46	98,28

Lưu ý: bao gồm người lao động tự do, lao động tạm hoãn HĐLĐ, ngừng việc trong doanh nghiệp

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ

Phụ lục 1 : Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 4800/QĐ-BYT
(Cập nhật đến ngày 31/12/2021 tại Báo cáo số 1039/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)

	Huyện, thành phố		Xã, phường	
	Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Cấp 1 (Bình thường mới)	00 (giảm 01)	0%	30 (tăng 14)	17,65%
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	11 (tăng 01)	100,0%	101 (tăng 04)	59,41%
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	0%	39 (giảm 18)	22,94%
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	0%	00	0%
Tỉnh Đồng Nai: Cấp 2 <i>(Số ca mắc mới trong cộng đồng trong tuần đạt 126 ca/100.000 dân, tỉ lệ người từ 50 tuổi trở lên tiêm đủ liều vắc xin đạt trên 80%) 170/170 xã, phường đã thiết lập Trạm Y tế lưu động, 26/31 KCN có Trạm Y tế lưu động</i>				

Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)			Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	> = 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận	
							Số Ca	Đã tiêm VX 1 mũi	Đã tiêm VX 2 mũi		Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Biểu hiện lâm sàng trung bình	Nhẹ và Không triệu chứng						
															Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn									
TẦNG 3																									
1	BVĐN/ HSTC	40	50	4	2	1	2	0	2	37		386		8		25	4						30		
2	BVTN/TTHSTC	200	50	3	7		9		2	51	310	610	346	11	10	14	13	3	0			29	22	0	
3	BVĐKKVLK/HSTC	100	50	6	0	0	2	0	2	48	104	130	115	11	3	11	18	5	0	0	0	25	23	2	
4	BVĐKKVLT	100	100	1	1	0	3	2	1	39	97	203	64	17	4	6	12	0	0	0	0	20	18	32	
5	BV Nhi ĐN	20	10	0	0	0	0	0	0	3	4	6	0	0	1	2	0	0	0	0	3	0	0	0	
6	BV Định Quán	60	30	6	4	0	2			18	26	26	66	6	0	0	4	0	5	0	0	6	9	12	
7	BV Đồng Nai 2	10	20	2	6	0	0	0	0	20	156	22	1145	5	0	0	16	16	0	1	0	10	12	0	

Tổng cộng (tầng 3)		530	310	22	20	1	18	2	7	216	697	1383	1736	58	18	58	67	24	5	1	3	90	114	46
TÀNG 2																								
1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	180	4	3	0	0	0	0	34	55	3	2704	0	0	0	1	16	17	0	1	8	12	146
6	Bệnh viện ĐKKV Long Khánh	170	150	9	1	5	0	0	0	91	47	0	187	0	0	0	38	14	39	0	0	27	42	40
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	1	0	0	0	0	0	3	14	0	1068	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	20
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	1	11	0	0	0	0	55	41		1094	0	0	0	11	40	4	0	1	20	52	30
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	10	3	0	0	0	0	79	345	0	1925	0	0	0	2	52	33	0	41	4	2	0
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	100	70	2	11	0	1	0	1	17	2	4	77	0	0	0	7	5	3	0	0	4	8	53
17	Bệnh viện Đồng Nai 2	80	48	2	6	0	0	0	0	48	156	22	1145	5	0	0	35	35	5	2	1	20	25	32
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	100	80	2	9					17	738	6	320	4	1	1	4	5	2	0	0	0	14	63
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	1	0	0	0	0	0	9	45	21	510	1	0	0	3	4	2	0	0	4	3	56
21	Trung tâm Y tế Tân Phú	20	20	2	4	2	0	0	0	17	8	0	11	0	0	0	16	16	0	0	0	10	15	0
25	Trung tâm Y tế Cẩm Mỹ	90	90	2	7	1	0	0	0	41	32	2	627	0	0	0	7	10	31	8	6	8	20	49
27	Bệnh viện Tâm thần TW 2	400	200		1					3								1	2					
28	Bệnh viện Quốc tế Đồng Nai	5	5	0	3	0	0			1			3				1	1					1	
Tổng cộng (tầng 2)		4595	3708	36	59	8	1	0	1	415	1483	58	9671	10	1	1	125	199	141	10	50	105	194	489
TÀNG 1																								
1	Biên Hòa	801	601	12	21	3	0	0	0	82	1333	22	18958	0	0	0	27	33	49	2	1	12	22	434
2	Long Khánh	400	310	1	3	0	0	0	0	27	74	0	811	0	0	0	0	0	27	0	1	0	7	
3	Vĩnh Cửu	120	120	2	0	1	0	0	0	12	1529	3	9094	0	0	0	2	0	10	0	1	3	6	108
4	Định Quán	100	89	2	0	0	0	0	0	27	2	0	450	0	0	0	0	0	27	0	6	1	0	62
5	Tân Phú	60	60	2	0	0	0	0	0	33	200	3	381	0	0	0	7	7	26	0	0	12	16	0
6	Trảng Bom	978	948	1	0	0	0	0	0	3	1644	2	4284	0	0	0	0	1	2	0	0	1	2	850
7	Thống Nhất	98	98	0	0	0	0	0	0	3	5	0	33	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	95

10	Long Thành	500	500	0	7	0	0	0	0	29	90	0	2452	0	0	0	0	0	29	0	2	4	15	471
11	Nhơn Trạch	4230	1500	0	0	0	0	0	0	2	0	17	9985	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	1498
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		7287	4226	20	31	4	0	0	0	218	4877	47	46448	0	0	0	36	41	175	2	11	33	68	4008
TỔNG TẦNG (3+2+1)		12412	8244	78	110	13	19	2	8	849	7057	1488	57855	68	19	59	228	264	321	13	64	228	376	4543

Phụ lục 3: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 đối tượng từ 12 tuổi trở lên
(Cập nhật ngày 03/01/2022)

TT	Địa phương	Người trong độ tuổi tiêm chủng (Từ 12 tuổi trở lên)									
		Dân số	Số mũi tiêm trong ngày	Số mũi tiêm Mũi 1	Số mũi tiêm Mũi 2	Số mũi tiêm liều bổ sung	Số mũi tiêm liều nhắc lại	Tổng số liều vắc xin đã tiêm	Tỷ lệ Mũi 1	Tỷ lệ Mũi 2	Tỷ lệ Mũi 3
1	Biên Hòa	961.996	0	978.553	978.553	0	21.523	1.977.767	101,72%	101,72%	2,15%
2	Long Khánh	135.944	0	138.419	133.219	8.486	7.223	287.347	101,82%	98,00%	6,24%
3	Long Thành	215.692	0	245.681	230.953	22.214	0	498.848	113,90%	107,08%	10,30%
4	Nhơn Trạch	261.879	0	260.629	214.374	16.654	1.881	493.538	99,52%	81,86%	6,36%
5	Thống Nhất	146.707	0	131.970	123.844	9.131	0	264.945	89,95%	84,42%	6,22%
6	Trảng Bom	318.163	0	311.186	277.900	16.675	0	605.761	97,81%	87,35%	5,24%
7	Vĩnh Cửu	137.042	0	147.159	139.062	13.072	0	299.293	107,38%	101,47%	9,54%
8	Xuân Lộc	188.699	0	209.527	201.486	31.808		442.821	111,04%	106,78%	16,86%
9	Cẩm Mỹ	115.087	0	106.635	108.117	13.519	0	228.271	92,66%	93,94%	11,75%
10	Định Quán	171.083	0	157.099	157.188	31.711	0	345.998	91,83%	91,88%	18,54%
11	Tân Phú	129.710	0	126.718	122.725	6.842	5.350	261.635	97,69%	94,61%	5,27%
	Tỉnh Đồng Nai	2.782.002	0	2.813.576	2.687.421	170.112	35.977	5.706.224	101,13%	96,60%	6,11%

Phụ lục 4: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo nhóm tuổi
(Cập nhật ngày 03/01/2022)

TT	Địa phương	Người từ 65 tuổi trở lên (A)			Người từ 50 tuổi trở lên (B)			Trẻ em (Từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi)							
		Dân số (A)	Số lượng (A) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số (B)	Số lượng (B) tiêm đủ liều	Tỷ lệ %	Dân số	Số điểm tiêm	Số mũi tiêm (Mũi 1)	Tỷ lệ %	Số mũi tiêm (Mũi 2)	Tỷ lệ %	Phản ứng nhẹ	Phản ứng nặng
1	Biên Hòa	63.535	63.259	99,57%	198.192	196.674	99,23%	93.343	82	87.056	91,82%	76.398	79,59%	3	1
2	Long Khánh	13.089	13.051	99,71%	37.675	36.408	96,64%	15.119	10	15.119	100,00%	14.578	96,42%	6	0
3	Long Thành	23.449	23.277	99,27%	59.238	58.105	98,09%	24.626	21	26.502	107,62%	23.160	94,05%	1	0
4	Nhơn Trạch	15226	14.632	96,10%	48894	48.110	98,40%	18.215	3	16.421	90,15%	11447	62,84%	0	0
5	Thống Nhất	13.037	12.132	93,06%	37.414	33.630	89,89%	16.405	13	14.953	91,15%	13.249	80,76%	0	0
6	Trảng Bom	19.115	19.097	99,91%	92.978	90.973	97,84%	34.961	100	33.150	94,82%	23.783	68,03%	0	0
7	Vĩnh Cửu	9.484	8.990	94,79%	32.466	30.001	92,41%	15.893	40	13.981	87,97%	12.787	80,46%	2	
8	Xuân Lộc	19.734	18.427	93,38%	57.427	57.427	100,00%	22.654	15	21.350	94,24%	19.632	86,66%		
9	Cẩm Mỹ	10.044	9.927	98,84%	34.375	34.375	100,00%	12.810	36	12.810	100,00%	11.169	87,19%	0	0
10	Định Quán	13.719	13.161	95,93%	34.790	35.621	102,39%	20.291	0	19.941	98,28%	19.610	96,64%	0	0
11	Tân Phú	11.970	11.907	99,47%	23.040	22.767	98,82%	17.908	24	16.234	90,65%	15.490	86,50%	6	0
	Tỉnh Đồng Nai	212.402	207.860	97,86%	656.489	644.091	98,11%	292.225	344	277.517	94,97%	241.303	82,57%	18	1